TOÀ ÁN NHÂNDÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày 03-7-2018
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Luận;

Ông Đặng Hữu Luật.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở nhà Văn hóa khu Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 73/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Kim Th, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số 227/703 T, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định - (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Trần Anh T, sinh năm 1993 - (vắng mặt);

ĐKHKTT: Thôn U, xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương;

- *Người làm chứng*:

1. Bà Vương Thị C, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Thôn U, xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương - (vắng mặt);

2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1968 - (có mặt);

Địa chỉ: Số 227/703 T, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 4 năm 2018, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Đặng Thị Kim Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Anh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 12/5/2016 (Giấy đăng ký số 26/2016). Sau khi kết hôn, chị vẫn sống tại gia đình chị ở thành phố N, còn anh T làm nghề phụ xe khách thỉnh thoảng về thăm chị. Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng không thống nhất trong việc làm ăn, kinh tế, không hợp nhau về tính tình cũng như cách sống nên thường xuyên mâu thuẫn. Khi chị sinh con, anh không quan tâm và không có trách nhiệm với mẹ con chị, vợ chồng không thống nhất được nơi vợ chồng cùng sống chung nên thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 01 năm 2018 vợ chồng ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên xin ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Đặng D, sinh ngày 17/01/2018, hiện cháu đang ở với chị. Chị đề nghị tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập anh Trần Anh T đến Toà án để viết bản tự khai, anh T đã từ chối không nhận. Tòa án tiếp tục gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập anh Trần Anh T đến Toà án, thông báo đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử giao cho mẹ anh T để thông báo cho anh T đến Tòa án. Tuy nhiên, anh T vẫn không có mặt tại Tòa án và không gửi các ý kiến về cho Tòa án.

Bà Vương Thị C là mẹ đẻ anh Trần Anh T trình bày: Anh T và chị Th chung sống đã có 01 con chung nhưng mỗi người ở một nơi. Chị Th vẫn ở tại nhà bố mẹ đẻ ở thành phố N, anh T vẫn ở huyện N, tỉnh Hải Dương thỉnh thoảng anh T mới đến thăm chị. Vợ chồng chị Th mâu thuẫn là do chị Th muốn anh T về sống cùng chị ở thành phố N nhưng anh T lại muốn chị Th về huyện N, tỉnh Hải Dương sống. Bà cũng khuyên chị Th về gia đình bà sống nhưng chị Th không đồng ý. Khi

chị Th xin ly hôn gia đình bà cũng khuyên chị Th suy nghĩ lại, nhưng chị Th vẫn xin ly hôn anh T. Vợ chồng anh T có 01 con chung là Trần Đặng D, sinh ngày 17/01/2018, hiện cháu đang ở với chị Th. Quan điểm của bà là vợ chồng anh T sống chung được với nhau hay không do anh chị ấy quyết định. Nếu anh chị ly hôn, con chung đề nghị Tòa án giao cho anh T nuôi dưỡng, bà sẽ giúp anh T trong việc nuôi dưỡng con chung.

Bà Vương Thị C cung cấp: Hiện nay anh T đang đi làm, không có địa chỉ cụ thể nhưng vẫn về nhà. Bà đã nhận được các văn bản của Tòa án gửi cho anh T và thông báo cho anh T đến Tòa án giải quyết việc chị Th xin ly hôn. Quan điểm của anh T là không đến Tòa và cũng không đồng ý ly hôn. Về con chung, anh xin được nuôi con chung.

Bà Lê Thị M là mẹ đẻ chị Th xác định: Sau khi anh T và chị Th kết hôn, chị vẫn ở tại gia đình bà, còn anh T vẫn ở huyện Nam Sách. Quá trình chung sống, anh chị có mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn bà không rõ. Sau khi chị Th sinh con, anh chị thường xuyên cãi nhau nên chị Th xin ly hôn. Gia đình bà cũng đã khuyên chị Th suy nghĩ để đoàn tụ vợ chồng nhưng xác định không thể sống chung cùng anh T vẫn xin ly hôn. Vợ chồng chị Th có 01 con chung là Trần Đặng D, sinh ngày 17/01/2018, hiện đang ở với chị Th. Quan điểm của gia đình bà: Anh, chị có chung sống được với nhau hay không do anh chị quyết định. Việc nuôi con chung, đề nghị Tòa án giao cho chị Th nuôi dưỡng, gia đình bà sẽ giúp chị Th trong việc nuôi dưỡng con chung.

Đại diện UBND xã M xác nhận: Hiện nay anh T vẫn có mặt tại địa phương. UBND xã đã giao các văn bản của Tòa án cho anh T, anh T đọc nhưng không nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho anh T và gia đình anh T, mẹ anh T đã thông báo cho anh T biết. Nhưng anh T vẫn không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập là không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật

Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh T là đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Th ly hôn anh T. Về nuôi con chung, chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Th không yêu cầu. Về tài sản, nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Nam Sách đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo, các giấy triệu tập đến phiên họp, hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa cho anh Trần Anh T và mẹ anh T. Anh T từ chối không nhận, mẹ anh T thông báo cho anh T biết, nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đặng Thị Kim Th và anh Trần Anh T kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn của luật hôn nhân và gia đình nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do anh chị không thống nhất được nơi vợ chồng cùng sống chung nên phát sinh mâu thuẫn. Hai anh chị mỗi người ở một nơi, từ tháng 01 năm 2018 đến nay anh không có trách nhiệm với mẹ con chị, vợ chồng ly thân không có trách nhiệm với nhau. Anh T biết việc chị Th xin ly hôn, thông qua gia đình, quan điểm của anh không muốn ly hôn, nhưng anh không gửi các ý kiến bằng văn bản của mình cho Tòa án. Anh T cũng không có biện pháp tìm gặp chị Th để vợ chồng bàn bạc khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ hay nhờ Tòa án hòa giải tạo điều kiện vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh và chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Th.

[2] *Về quan hệ con chung:* Chị Đặng Thị Kim Th và anh Trần Anh T có 1 con chung là Trần Đặng D, sinh ngày 17/01/2018, chị Th xin được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Thông qua mẹ anh T, anh T cũng muốn nuôi con chung. Nguyện vọng xin nuôi con của các bên là chính đáng, tuy nhiên do cháu D còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, hiện đang ở với mẹ ổn định, gia đình chị Th cũng đề nghị để chị Th tiếp tục nuôi con, gia đình sẽ tạo điều kiện giúp chị trong việc nuôi dưỡng con. Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận nguyện vọng xin nuôi con của chị Th. Giao con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Th không yêu cầu.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Nguyên, bị đơn không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về án phí:* Chị Đặng Thị Kim Th xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Đặng Thị Kim Th ly hôn anh Trần Anh T.

2. *Về quan hệ con chung*: Giao cho chị Đặng Thị Kim Th tiếp tục nuôi con chung là Trần Đặng D, sinh ngày 17/01/2018 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Trần Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị Th không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Đặng Thị Kim Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự được đối trừ với 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai số AA/2016/000 2220 ngày 04/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách.

Chị Đặng Thị Kim Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Nam Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Nam Sách;
- UBND xã M, H. Nam Sách;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Thị Liên